TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 9 năm 2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Lê Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản T, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn Ch, sinh năm 1994

Địa chỉ: Bản T, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 14/12/2015, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến ngày 08/8/2016, chị và anh Ch thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã LP cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 11. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng nảy sinh nhiều điểm bất đồng trong cách làm ăn, nuôi dậy con cái, ứng xử trong gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuân kéo dai làm cho cuộc sống ngày càng căng thẳng, nên chị và anh Ch đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Về con: Chị và anh Lò Văn Ch có 01 con chung là cháu Lò Mạnh H, sinh ngày 17/7/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vong được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 03/8/2022, bị đơn là anh Lò Văn Ch trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận, việc kết hôn giữa anh với chị L, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng ly thân như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị L không thay đổi. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Lò Mạnh H, sinh ngày 17/7/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vong được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Lò Văn Ch không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Bản T, xã LP, huyện LC về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Phạm Thị L và anh Lò Văn Ch; về điều kiện nuôi con của chị L, anh Ch, kết quả xác minh:

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Giữa chị Phạm Thị L, anh Lò Văn Ch bất đồng quan điểm về cách cư xử trong gia đình, nuôi dậy con cái và trong cách làm ăn, nhưng nguyên nhân chính là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng về lòng chung thuỷ, hay nghi kỵ, ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau.

Về điều kiện nuôi con: Kể từ khi chị L và anh Ch ly thân đến nay, chị L cư trú tại bản P, xã LP, huyện LC, còn anh Ch đang đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà. Phần lớn thời gian cháu H ở cùng chị L, cháu vẫn khoẻ mạnh và được học hành đầy đủ; nơi chị L cư trú có điều kiện về việc học tập, việc chăm sóc ý tế và môi trường xã hội tốt hơn nơi anh Ch cư trú; chị L có điều kiện để chăm sóc cháu H tốt hơn anh Ch.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Lò Văn Ch không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, anh Ch có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Ch vắng mặt tại phiên tòa,

không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Bị đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Ch vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị L, anh Lò Văn Ch và Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/8/2016 do UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Lò Văn Ch là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị L và anh Ch thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn, nuôi dậy con cái, cư xử trong gia đình, vợ chồng thiếu sự tin tưởng về lòng chng thuỷ của nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Ch. Anh Ch không đến Tòa án tham gia hòa giải, giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ mà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Ch không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, quyết định cho chị L được ly hôn anh Ch.

[6] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị L, anh Lò Văn Ch và bản sao Giấy khai sinh của cháu H đủ cơ sở xác định: Cháu Lò Mạnh H, sinh ngày

17/7/2016 là con chung của chị L và anh Ch. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị L, anh Ch, thấy: Cả chị L và anh Ch đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Mạnh H, nguyện vọng của chị L và anh Ch là chính đáng, hợp pháp nên có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, từ khi chị L và anh Ch ly thân đến nay, phần lớn thời gian cháu H ở cùng chị L, cháu vẫn khỏe mạnh và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì chị L có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H tốt hơn anh Ch. Do đó, giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về tài sản: Chị Phạm Thị L và anh Lò Văn Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lò Văn Ch.

Về con: Giao cháu Lò Mạnh H, sinh ngày 17/7/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0015694 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Phạm Thị L; vắng mặt bị đơn Lò Văn Ch. Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; anh Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**